

**Bộ điều khiển**  
**SPC11-MTS-AIF-2**  
Số bộ phận: 548129

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                              | Giá trị                                                                                                    |
|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| sao lưu dữ liệu                                       | Bộ nhớ flash                                                                                               |
| tín hiệu điều khiển                                   | Đầu vào từ xa/hướng dẫn/trái/phải<br>Vị trí đầu vào 1/2/3/4<br>Đầu ra Error-Ready<br>Vị trí đầu ra 1/2/3/4 |
| Hiển thị                                              | 3 chữ số<br>Màu đỏ<br>Hiển thị bảy phân đoạn                                                               |
| Các yếu tố vận hành                                   | 3 nút<br>Bàn phím màng                                                                                     |
| Bảo vệ đầu ra                                         | điện<br>dòng điện kích hoạt tối đa 500 mA<br>trên tổng tất cả đầu ra                                       |
| Số đầu ra kỹ thuật số                                 | 5                                                                                                          |
| Số đầu vào kỹ thuật số                                | 8                                                                                                          |
| Kết quả thực thi                                      | theo IEC 61131-2<br>logic tích cực (PNP)<br>không có cách điện                                             |
| Đầu vào thực thi                                      | theo IEC 61131-2<br>logic tích cực (PNP)<br>không có cách điện                                             |
| Thời gian hãm các đầu vào                             | 20 ms                                                                                                      |
| Mức tiêu thụ dòng điện tối đa với van tỷ lệ           | 1.1 A                                                                                                      |
| Mức tiêu thụ dòng điện tối đa mà không có van tỷ lệ   | 70 mA                                                                                                      |
| Điện áp hoạt động danh định DC                        | 24 V                                                                                                       |
| Tiêu thụ điện đầu vào                                 | 4 mA                                                                                                       |
| Khả năng mang hiện tại trên mỗi đầu ra                | 100 mA                                                                                                     |
| Dao động điện áp cho phép                             | +/- 25 %                                                                                                   |
| Giấy phép                                             | Dấu RCM                                                                                                    |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                   | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU                                                        |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)                 | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS                                                      |
| Khả năng chống sốc liên tục theo DIN/IEC 68 phần 2-82 | được kiểm tra theo mức độ nghiêm trọng 2                                                                   |
| Tuân thủ LABS                                         | VDMA24364-B2-L                                                                                             |

| Đặc tính                                     | Giá trị                                   |
|----------------------------------------------|-------------------------------------------|
| Độ ẩm tương đối                              | 0 - 95 %<br>không cô đặc                  |
| Mức độ bảo vệ                                | IP65<br>theo IEC 60529                    |
| Khả năng chống rung theo DIN/IEC 68 phần 2-6 | được kiểm tra theo mức độ nghiêm trọng 1  |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh               | 0 °C...50 °C                              |
| trọng lượng sản phẩm                         | 400 g                                     |
| bầu cử, điện áp hoạt động ,Đầu vào và đầu ra | 15 cực<br>SUB-D<br>Phích cắm              |
| Cổng nối điện van tỉ lệ                      | Phích cắm<br>thiết kế tròn<br>M9<br>7 cực |
| Cổng nối điện cảm biến vị trí                | 5 chân<br>Ổ cắm<br>M9<br>thiết kế tròn    |
| Chiều dài cáp                                | 30 m                                      |